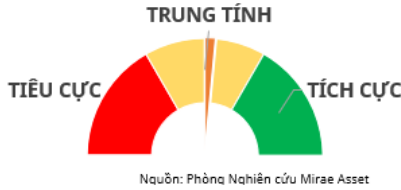


13 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,064.30	-0.5	1.1	-28.0
HNX	209.84	-1.0	1.9	-50.9
UPCOM	79.35	0.3	3.9	-30.0
MSCI EM	993.58	-0.3	3.3	-11.2
NIKKEI	28,156.97	0.3	1.2	4.9
HANG SENG	20,344.48	0.2	3.3	-4.8
KOSPI	2,561.66	0.4	6.3	-5.7
FTSE	7,821.75	0.0	3.6	3.2
S&P 500	4,091.95	-0.4	6.1	-8.0
NASDAQ	11,929.34	-0.9	6.6	-12.6

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	14.0	1.7	13.7
Indonesia	15.5	1.9	12.2
Philippines	14.4	1.5	10.0
Malaysia	15.1	1.3	10.3
Thái Lan	19.4	1.6	8.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	1	-101	50
TPCP 10 năm	3.3	3	-86	31

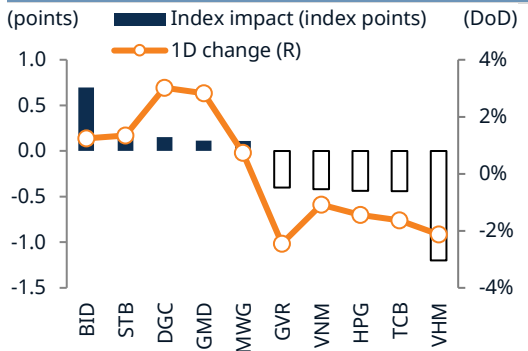
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,440	0.0	-0.8	2.4
US\$/KRW	1,310.6	-1.2	0.7	7.1
US\$/JPY	133.2	0.0	0.0	6.0
US\$/EUR	0.91	-0.2	-2.6	-1.1
US\$/GBP	0.80	-0.2	-2.6	4.8
US\$/SGD	1.33	-0.2	-1.6	-2.7

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	476	414	408
HNX	55	48	43
UPCOM	22	15	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Bên bán chiếm ưu thế

Mở cửa, VN-Index khoác lên sắc xanh nhẹ, nhưng sau đó chỉ số này dần dần thay đổi màu sắc và nhanh chóng hạ độ cao khi về dần cuối phiên. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở vùng giá thấp nhất trong ngày ghi nhận giảm hơn 5 điểm tương ứng với 0,5% và dừng chân lại ngưỡng 1,064 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục sụt giảm nhẹ khi có hơn 595 triệu đơn vị tương ứng với hơn 10,048 tỷ đồng.

Nếu như bất động sản là nhóm thu hút tiền và là động lực giúp tăng điểm cho thị trường ở phiên trước, thì nay nhóm này đã chuyển sang đề nặng chỉ số với nhiều mã cổ phiếu giảm hơn 3% như: NVL, NTL, L14, LDG, DXS, ... Cùng chiều, nhóm chứng khoán tiếp tục bị chốt lời mạnh với nhiều mã giảm sâu hơn 4% như: APS, VDS, VIG....

Vẫn là trạng thái bán ròng, khối ngoại hôm nay ghi nhận tổng giá trị bán ròng trên cả 2 sàn HNX và HSX hơn 303 tỷ đồng. Trong đó, đứng đầu ở chiều bán là VND và HPG với giá trị lần lượt ở mức 67 tỷ và 58 tỷ. Ngược lại, HDB và KBC được mua ròng nhẹ với 24 tỷ và 19 tỷ.

Đóng cửa ở vùng giá thấp nhất ngày đã làm cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức 2 điểm về mức 0 điểm và vẫn giữ trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,9x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

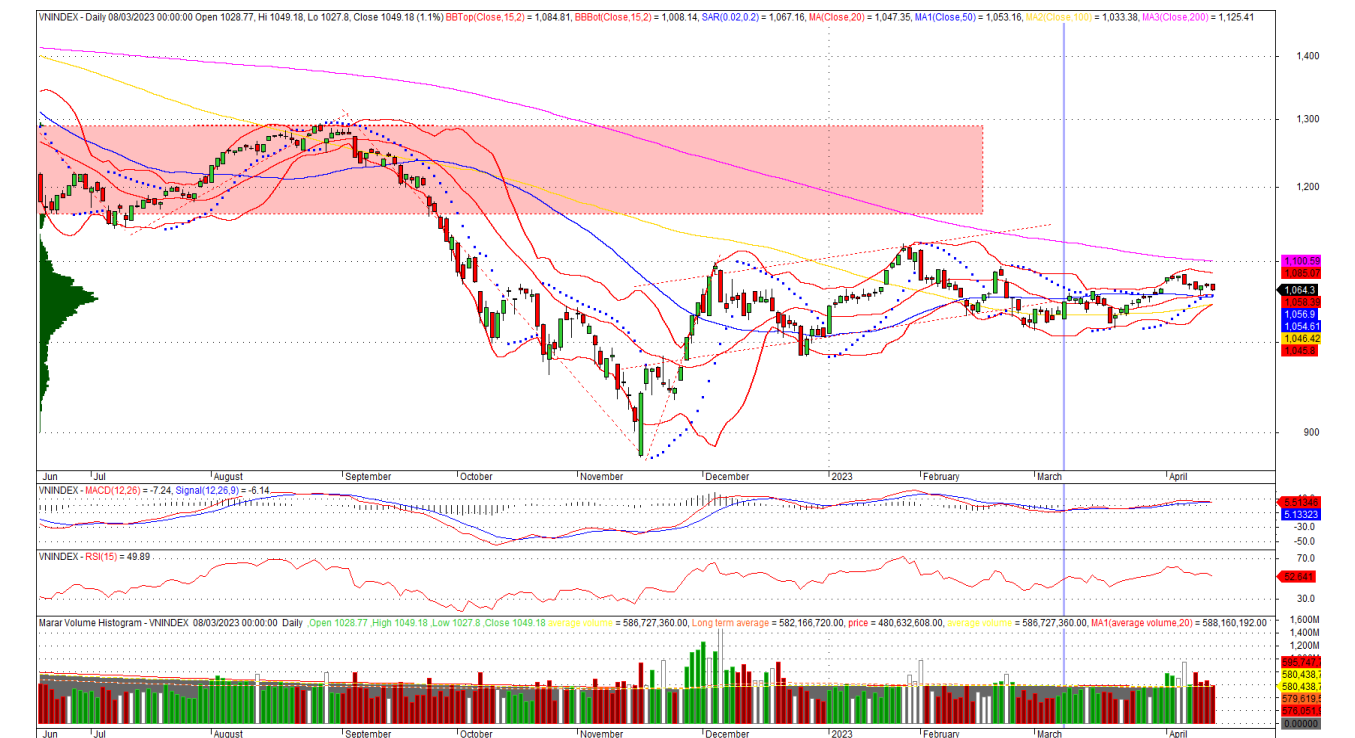
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (13/04/2023)	Kháng cự 1	1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.030

VN-Index giảm điểm và dường như đang có xu hướng quay về lại vùng hỗ trợ quanh 1,050

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (13/04/2023)	1.070	Kháng cự 1 1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.130
VN30 - đóng cửa	1.074	Hỗ trợ 1 1.060
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-6	Hỗ trợ 2 1.030

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M đang có xu hướng quay về kiểm định tại vùng hỗ trợ tại 1,063 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FMC	Thủy sản	42,950	60,420	100	7	
GIL	Dệt may	22,900	571,880	99	4	Top sức mạnh ngành
D2D	Bất động sản	26,850	75,635	98	6	
CSV	Hóa chất	31,200	215,065	97	5	Top sức mạnh ngành
HAX	Phân phối ô tô	19,400	522,720	97	6	
SHS	Chứng khoán	10,300	22,776,310	96	4	
TV2	Điện	24,050	78,680	95	7	
HDG	Bất động sản	33,150	847,500	93	4	
DHC	Sản xuất giấy	41,400	154,170	90	7	
HDC	Bất động sản	34,850	1,171,925	89	7	
PET	Bán lẻ	24,100	634,805	88	4	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	14,650	3,419,350	86	7	
SZC	Bất động sản	32,850	1,156,865	85	4	
KDH	Bất động sản	29,750	1,557,335	82	4	
TCB	Ngân hàng	30,200	4,694,610	82	4	
LHG	Khu công nghiệp	23,700	60,870	81	4	Top sức mạnh ngành
GMD	Kho bãi, hậu cần	54,500	677,895	79	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
BSR	17	7,008,545	7	KHẢ QUAN	52,708	3.6	1.0	119
IJC	14.65	3,419,350	7	KHẢ QUAN	3,689	7.7	1.0	50
HDC	34.85	1,171,925	7	KHẢ QUAN	3,767	9.3	2.0	41
GMD	54.5	677,895	7	KHẢ QUAN	16,425	18.0	2.4	37
STB	26.45	19,853,620	6	KHẢ QUAN	49,864	9.9	1.3	525
PVS	26.4	4,414,080	6	KHẢ QUAN	12,618	14.3	1.0	117
HDB	19.7	3,133,505	6	KHẢ QUAN	49,551	6.4	1.3	62
ANV	32.35	1,189,660	6	KHẢ QUAN	4,307	6.1	1.4	38
TNG	18	1,829,415	6	KHẢ QUAN	1,892	6.3	1.2	33
PVC	16.3	1,790,900	6	KHẢ QUAN	815	92.6	1.1	29
KBC	26.5	5,622,285	5	KHẢ QUAN	20,342	13.3	1.3	149
TPB	23.2	4,244,410	5	KHẢ QUAN	36,697	5.9	1.1	98
DGC	54.6	1,648,695	5	KHẢ QUAN	20,736	3.9	2.0	90
FRT	66.7	1,105,480	5	KHẢ QUAN	7,902	20.2	3.9	74
NVL	14.5	24,518,940	4	KHẢ QUAN	28,277	12.4	0.8	356
SHS	10.3	22,776,310	4	KHẢ QUAN	8,376	42.7	0.9	235
TCB	30.2	4,694,610	4	KHẢ QUAN	106,221	5.3	0.9	142
PDR	14	7,435,970	4	KHẢ QUAN	9,403	8.2	1.2	104

VIB	21.15	4,826,590	4	KHẢ QUAN	44,577	5.3	1.4	102
PVD	21	3,694,245	4	KHẢ QUAN	11,673	#N/A N/A	0.8	78
DGW	34.05	2,050,545	4	KHẢ QUAN	5,689	8.0	2.3	70
NLG	31.8	2,180,180	4	KHẢ QUAN	12,214	25.0	1.4	69
HAG	7.7	8,072,985	4	KHẢ QUAN	7,141	6.3	1.4	62
KDH	29.75	1,557,335	4	KHẢ QUAN	21,326	20.6	1.8	46
SZC	32.85	1,156,865	4	KHẢ QUAN	3,285	18.8	2.1	38
IDI	11.9	3,182,910	4	KHẢ QUAN	2,709	5.0	0.8	38
HDG	33.15	847,500	4	KHẢ QUAN	8,109	7.4	1.5	28
DPG	30.35	733,570	4	KHẢ QUAN	1,912	5.0	1.1	22
MWG	41.05	2,444,290	3	TRUNG TÍNH	60,072	14.5	2.5	100
KDC	61.5	1,537,440	3	TRUNG TÍNH	15,819	41.6	2.3	95
DCM	25.2	3,298,820	3	TRUNG TÍNH	13,341	3.3	1.3	83
DIG	17.4	18,764,690	2	TRUNG TÍNH	10,611	69.5	1.4	327
CEO	24.9	8,987,720	2	TRUNG TÍNH	6,408	23.0	2.0	224
IDC	38.8	2,613,265	2	TRUNG TÍNH	12,804	7.6	2.6	101
MSN	79.2	1,270,225	2	TRUNG TÍNH	112,759	31.5	4.3	101
DPM	35.15	1,919,475	2	TRUNG TÍNH	13,755	2.5	1.0	67
HQC	4.3	15,508,925	2	TRUNG TÍNH	2,049	109.0	0.5	67
EIB	19.6	2,778,320	2	TRUNG TÍNH	28,916	9.8	1.4	54
PLX	37.2	1,440,325	2	TRUNG TÍNH	47,266	32.2	1.9	54
DBC	14.9	3,584,175	2	TRUNG TÍNH	3,606	24.0	0.8	53
SCR	7.53	7,027,425	2	TRUNG TÍNH	2,979	59.4	0.6	53
PVT	21.7	2,303,410	2	TRUNG TÍNH	7,023	8.2	1.2	50
FPT	79.6	594,485	2	TRUNG TÍNH	87,323	16.4	4.1	47
HAH	38	1,202,975	2	TRUNG TÍNH	2,673	3.7	1.2	46
IDJ	11.8	3,766,065	2	TRUNG TÍNH	2,047	13.6	1.1	44
PC1	28.7	1,476,800	2	TRUNG TÍNH	7,761	16.9	1.5	42
GVR	15.95	2,576,255	2	TRUNG TÍNH	63,800	16.6	1.3	41
BCG	7.9	5,151,415	2	TRUNG TÍNH	4,214	10.2	0.6	41
SBT	15.4	2,520,145	2	TRUNG TÍNH	10,367	16.0	1.1	39
ORS	11.75	3,139,430	2	TRUNG TÍNH	2,350	17.3	1.0	37
PNJ	77	479,005	2	TRUNG TÍNH	25,256	13.4	3.0	37
HUT	16.4	2,084,795	2	TRUNG TÍNH	5,718	39.5	1.5	34
APS	12.4	2,479,280	2	TRUNG TÍNH	1,029	#N/A N/A	1.1	31
VGC	36.1	794,870	2	TRUNG TÍNH	16,185	9.4	2.1	29
PAN	17.75	1,578,100	2	TRUNG TÍNH	3,708	9.9	0.8	28
TCM	50.6	501,955	2	TRUNG TÍNH	4,147	17.5	2.1	25
ASM	8.61	2,725,830	2	TRUNG TÍNH	2,897	4.6	0.6	23
SHB	12.05	30,009,356	0	TRUNG TÍNH	36,956	4.8	0.9	362
MBB	18.55	9,496,350	0	TRUNG TÍNH	84,105	4.8	1.1	176
GEX	13.25	9,396,120	0	TRUNG TÍNH	11,282	30.6	0.9	124
ACB	24.95	4,433,130	0	TRUNG TÍNH	84,267	6.2	1.4	111
POW	13.45	7,747,060	0	TRUNG TÍNH	31,498	15.3	1.0	104
MBS	16.3	3,659,815	0	TRUNG TÍNH	8,723	11.8	1.4	60
CTG	29.4	1,834,225	0	TRUNG TÍNH	141,289	8.4	1.3	54
TCH	7.69	5,965,100	0	TRUNG TÍNH	5,112	28.6	0.6	46
BSI	26.2	1,209,230	0	TRUNG TÍNH	4,907	29.9	1.1	32

CTD	46	584,040	0	TRUNG TÍNH	3,398	163.7	0.4	27
L14	51.6	469,425	0	TRUNG TÍNH	1,592	83.9	3.9	24
HPX	4.41	5,233,250	0	TRUNG TÍNH	1,341	12.3	0.4	23
VCG	19.9	9,379,755	-1	TRUNG TÍNH	9,669	8.2	1.4	187
SSI	21.75	21,760,710	-2	TRUNG TÍNH	32,606	14.9	1.5	473
DXG	13.7	17,651,500	-2	TRUNG TÍNH	8,357	37.3	0.9	242
NKG	14.6	10,139,820	-2	TRUNG TÍNH	3,844	#N/A N/A	0.7	148
LPB	14.75	9,061,155	-2	TRUNG TÍNH	25,504	5.0	1.1	134
VHM	50.5	2,206,220	-2	TRUNG TÍNH	219,896	7.6	1.5	111
VIX	7.9	11,457,730	-2	TRUNG TÍNH	4,599	10.7	0.6	91
CII	15.4	5,433,590	-2	TRUNG TÍNH	3,884	5.1	0.7	84
FTS	26.4	2,586,255	-2	TRUNG TÍNH	5,150	15.8	1.5	68
CTS	16.7	2,397,355	-2	TRUNG TÍNH	2,483	34.2	1.3	40
BID	44.95	807,725	-2	TRUNG TÍNH	227,381	12.5	2.3	36
VPI	54.7	621,980	-2	TRUNG TÍNH	13,237	24.0	3.8	34
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
PLC	32.1	715,085	-2	TRUNG TÍNH	2,594	22.2	2.1	23
HPG	20.45	19,401,936	-3	TRUNG TÍNH	118,912	14.0	1.2	397
HCM	25.7	6,483,985	-4	TIÊU CỰC	11,750	13.8	1.5	167
HHV	13.1	7,276,630	-4	TIÊU CỰC	4,032	13.3	0.6	95
VCB	88.2	756,215	-4	TIÊU CỰC	417,408	14.0	3.1	67
FCN	11.55	2,393,395	-4	TIÊU CỰC	1,818	45.9	0.7	28
GAS	100	231,845	-4	TIÊU CỰC	191,395	13.0	3.2	23
VPB	20.6	19,331,340	-5	TIÊU CỰC	138,292	7.6	1.4	398
VND	15.2	25,060,700	-5	TIÊU CỰC	18,511	15.2	1.3	381
VCI	31.7	7,252,425	-5	TIÊU CỰC	13,805	15.8	2.1	230
HSG	15.1	14,621,135	-5	TIÊU CỰC	9,031	#N/A N/A	0.9	221
LCG	12.15	9,915,425	-5	TIÊU CỰC	2,304	12.2	0.9	120
VRE	28.4	2,820,635	-5	TIÊU CỰC	64,534	23.2	1.9	80
KSB	25.5	2,824,320	-5	TIÊU CỰC	1,946	14.9	1.0	72
SAB	169.5	139,530	-5	TIÊU CỰC	108,697	21.3	4.7	24
VIC	53	2,066,800	-7	TIÊU CỰC	202,139	22.4	1.8	110

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Lạm phát Mỹ hạ nhiệt

Thước đo lạm phát chính của Mỹ tiếp tục tăng trong tháng 3 nhưng đã cho thấy dấu hiệu dần hạ nhiệt. Đây là dấu hiệu giúp Fed có thể cân nhắc việc tạm dừng sau khi thực hiện một lần tăng lãi suất được dự đoán vào tháng tới. Theo số liệu từ Cục Thống kê Lao động Mỹ, CPI lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, tăng 0,4% trong tháng trước sau khi tăng 0,5% vào tháng 2. Trong khi đó, CPI cơ bản tăng 0,1%, khi giá xăng và khí đốt tự nhiên giảm. So với 1 năm trước, CPI lõi đã tăng 5,6%. Đây là lần đầu tiên sau hơn 2 năm, CPI lõi tăng mạnh hơn so với CPI cơ bản, cao hơn 5% so với năm ngoái. Số liệu mới công bố cho thấy mức giảm mạnh so với tháng trước khi con số hiện tại được so sánh với tháng 3/2022, khi giá năng lượng tăng vọt do mâu thuẫn Nga - Ukraine nổ ra. Các nhà kinh tế được Bloomberg khảo sát ước tính CPI lõi tăng 0,4% trong tháng trước và CPI cơ bản tăng 0,2%. Số liệu mới tiếp tục thể hiện rõ diễn biến khó lường của lạm phát, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, dù một số dự đoán vẫn cho rằng giá cả sẽ hạ nhiệt trong thời gian tới. Trong khi các nhà hoạch định chính sách đang theo dõi sát sao về tác động của những bất ổn ngành ngân hàng với nền kinh tế, thì việc giá cả tăng cùng thị trường lao động tiếp tục nóng lên có thể khiến Fed tăng lãi suất thêm ít nhất 1 lần nữa, sau đó mới là một khoảng dừng trong thời gian dài. Derek Tang, nhà kinh tế tại LH Meyer/Monetary Policy Analytics, cho hay: “Fed có thể vẫn tăng lãi suất trong tháng 5. Tuy nhiên, thị trường vẫn cần một chút thông tin để dự đoán liệu Fed có tiếp tục thắt chặt chính sách trong tháng 6 hay không.”

DGC: chi 635 tỷ mua lại CTCP Phốt pho 6, nâng công suất sản xuất phốt pho vàng thêm gần 20%

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (mã chứng khoán DGC) thông báo, Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết thông qua chủ trương mua 100% cổ phần của CTCP Phốt pho 6. Công ty này có vốn điều lệ 363 tỷ đồng, địa chỉ tại Lô B24, B24A, Khu công nghiệp Tăng Loỏng (Lào Cai), đang sở hữu 1 lò phốt pho vàng với công suất 9.800 tấn/năm. Hiện tại, nhà máy phốt pho vàng lớn nhất của DGC là nhà máy công suất 40.000 tấn/năm thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai – đơn vị đứng ra mua lại Phốt pho 6. Công ty con do DGC nắm 51% là CTCP Phốt pho Apatit Việt Nam (mã chứng khoán PAT) cũng sở hữu 2 dây chuyền sản xuất phốt pho vàng với công suất thiết kế mỗi dây chuyền là 10.000 tấn/năm, tổng cộng 20.000 tấn/năm. Năm 2022, Đức Giang sản xuất 54.145 tấn phốt pho vàng. Như vậy, CTCP Phốt pho 6 có thể giúp nâng thêm 18% tổng sản lượng sản xuất của Đức Giang. Thông báo của công ty cho biết, Đức Giang mua Phốt pho 6 với giá 635 tỷ đồng, tương đương gần 17.500 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến thực hiện thương vụ là trong quý 2/2023. Mục đích mua nhằm tạo chuỗi sản phẩm chế biến sâu cho các sản phẩm H₃PO₄, Sodium tripoly phosphate – STPP (Na₅P₃O₁₀), Sodium Hexametha phosphate – SHMP (NaPO₃)₆, ổn định thị trường xuất khẩu phốt pho và tăng doanh thu cũng như lợi nhuận cho Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.

BSR: Lợi nhuận 2023 giảm mạnh 89%

Sáng 13/4/2023, CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) tổ chức họp ĐHĐCĐ, thông qua chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 95.645 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.628,4 tỷ, lần lượt giảm 43% và giảm 89% so với kết quả kiểm toán năm 2022. Kế hoạch này dựa trên dự báo giá dầu thô là 70 USD/thùng. Kế hoạch lợi nhuận 2023 giảm 89% Theo lãnh đạo, kế hoạch thấp được đưa ra trong bối cảnh còn nhiều thách thức, bao gồm: Thứ nhất, thuế nhập khẩu xăng giảm từ 8% xuống còn 5% mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng từ 5% lên 10% dẫn đến lợi nhuận của BSR sẽ giảm. Thứ hai, lạm phát đang tăng sẽ kéo theo chi phí hoạt động của BSR trong năm 2023 đi lên. Thứ ba, khi mua dầu thô trong nước, BSR phải tham gia chào mua cạnh tranh với các người mua khác nên có rủi ro không mua được lô dầu để thu xếp đủ nguồn dầu thô cho Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất. Ngoài ra, BSR còn chịu sự cạnh tranh với xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD Nghi Sơn (NSRP). Về kế hoạch đầu tư, BSR sẽ thực hiện nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất với tổng mức đầu tư hơn 1,81 tỷ USD. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, dự án gặp nhiều khó khăn nên đại diện phần vốn của PVN tại BSR đang thực hiện các trình tự thủ tục điều chỉnh dự án.

CNG Việt Nam ước lãi 11,14 tỷ đồng trong quý I/2023

(ĐTCK) CTCP CNG Việt Nam (mã chứng khoán CNG - sàn HOSE) mới thông qua báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2023. Cụ thể, sản lượng khí CNG quý I đạt 60,59 triệu Sm³, đạt 98% kế hoạch quý. Theo đó, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 738,13 tỷ đồng, đạt 99,82% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 11,14 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch quý. So với cùng kỳ năm ngoái, doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt giảm 26% và 75%. Trong quý II và các quý còn lại của năm 2023, Giám đốc Công ty tập trung chỉ đạo tăng cường công tác dự báo, đánh giá khả năng cấp khí cho từng giai đoạn, từng khu vực làm cơ sở xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường phù hợp, hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục rà soát cập nhật bộ định mức kinh tế - kỹ thuật; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa; kiểm soát chặt chẽ công tác an toàn trong tất cả các lĩnh vực đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.

ACB: Mục tiêu lợi nhuận trước thuế hơn 20.000 tỷ đồng, quý I đạt hơn 5.000 tỷ đồng

Năm 2023 ACB đề ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 20.058 tỷ đồng. Đồng thời, Ngân hàng dự chi cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 25% bằng tiền mặt và cổ phiếu. Cụ thể, về kế hoạch kinh doanh, ACB đề ra mục đến cuối năm 2023 đạt 668.788 tỷ đồng tổng tài sản, tăng 10% so với đầu năm. Tiền gửi mục tiêu đạt 495.411 tỷ đồng (bao gồm giấy tờ có giá) và dư nợ cho vay đạt 453.836 tỷ đồng, tăng lần lượt 8,1% và 9,7%. Mức tăng hạn mức tín dụng thực tế sẽ được điều chỉnh khi được NHNN cấp bổ sung). Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. Lợi nhuận trước thuế ACB đề ra cho năm 2023 là 20.058 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2022. Trong quý I/2023, ACB ước đạt lợi nhuận 5.120 tỷ đồng, tăng 24% so cùng kỳ 2022 và đạt 26% so với kế hoạch cả năm; tăng trưởng huy động hợp nhất 2,1% so với cuối năm 2022; CAR là 13,1%. Trong các chỉ tiêu tăng trưởng thì tăng trưởng tín dụng của ACB đến quý I/2023 lại giảm 0,6%, nhưng theo ông Từ Tiến Phát, Tổng giám đốc ACB, điều này đã được Ngân hàng dự báo trước. Bởi với diễn biến khó khăn của nền kinh tế và đặc thù của ACB là ngân hàng bán lẻ, nên việc sụt giảm tăng trưởng tín dụng là điều khó tránh

trong quý I/2023. Tuy nhiên, ACB sẽ tiếp tục ổn định NIM, hài hòa lợi ích của ngân hàng và người gửi tiền, đưa ra mức lãi suất huy động phù hợp, làm sao giảm lãi suất cho vay. Vừa qua, ACB đã giảm lãi vay 3%, làm sao hỗ trợ hoạt động doanh nghiệp, kinh tế. Đồng thời, ACB cũng cố gắng tiết giảm chi phí, ổn định NIM. Tuy nhiên, dư nợ tăng trưởng tín dụng của ngân hàng đã dần hồi phục từ tháng 3/2023. Tỷ lệ nợ xấu của ACB đến cuối quý I/2023 vẫn được kiểm soát mức dưới 1%.

LDG: đã đầu tư 463,5 tỷ đồng vào dự án khu dân cư Tân Thịnh tại Đồng Nai

Theo tìm hiểu, tính tới 31/12/2022, tồn kho dự án khu dân cư Tân Thịnh là 463,5 tỷ đồng, chiếm 38,4% tổng tồn kho của Đầu tư LDG (tồn kho 1.205,9 tỷ đồng) và là dự án có giá trị tồn kho lớn nhất của Công ty. Các dự án khác có quy mô tồn kho lớn chủ yếu là dự án Chung cư cao tầng tại đại lộ Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, TP. HCM với giá trị 240,9 tỷ đồng; dự án Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu A) với giá trị 214,9 tỷ đồng; dự án Khu chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, phường 16, quận 8, TP. HCM với giá trị 116,8 tỷ đồng... và các dự án. Như vậy, so với quy mô tài sản là 7.929,95 tỷ đồng, tồn kho dự án khu dân cư Tân Thịnh đang chiếm 5,8% tổng tài sản và là dự án có tồn kho lớn nhất của Đầu tư LDG tính tới thời điểm hiện tại. Theo tìm hiểu, dự án khu dân cư Tân Thịnh thuộc xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, tên thương mại là Khu đô thị thông minh Viva Park, tổng diện tích sử dụng đất là 18ha, trong đó diện tích thương phẩm là 8,2ha, diện tích sàn xây dựng là hơn 16ha. Quy mô dự án dự kiến là 680 căn nhà phố và biệt thự và 8 căn shophouse, tổng vốn đầu tư dự kiến 1.290 tỷ đồng.

HAG: Quý I/2023 ước lãi 308 tỷ đồng, đạt 27,2% kế hoạch dự kiến

Công ty cho biết, hiện nay giá thịt heo tại thị trường trong nước vẫn đang duy trì ở mức thấp, tuy nhiên giá chuỗi lại duy trì ở mức cao nhất trong năm, cùng với sản lượng đạt được tương đương kỳ vọng nên toàn bộ lợi nhuận tháng 3 chủ yếu đến từ doanh thu chuỗi. Cụ thể, doanh thu thuần tháng 3 doanh nghiệp đạt 652 tỷ đồng. Trong đó, ngành chăn nuôi đạt 162 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 33.436 con thịt heo; ngành cây ăn trái đạt 296 tỷ đồng với sản lượng 21.231 tấn (chuối xuất khẩu đạt 18.676 tấn và chuối dùng cho sản xuất thức ăn gia súc là 2.556 tấn); ngành phụ trợ đạt 194 tỷ đồng. Kết quả, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế tháng 3 đạt 101 tỷ đồng. Tại ĐHCĐ năm 2023 tới đây, Công ty dự kiến trình cổ đông kế hoạch kinh doanh với doanh thu 5.120 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ và lợi nhuận dự kiến 1.130 tỷ đồng, tăng 0,4% so với thực hiện trong năm 2022. Công ty cho biết, kế hoạch kinh doanh dựa trên cơ sở thực hiện chủ trương tập trung duy trì quy mô sản xuất kinh doanh không thấp hơn năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước, thế giới diễn biến phức tạp và nhiều khó khăn. Như vậy, với kết quả ước tính 3 tháng đầu năm, HAG đã hoàn thành 35,6% mục tiêu doanh thu và 27,2% mục tiêu lợi nhuận (dự kiến) năm.

PGS đặt kế hoạch lãi trước thuế năm 2023 đạt 102,35 tỷ đồng, giảm 17,5%

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch năm 2023 căn cứ giá dầu thô tạm tính là 80 USD/thùng, giá CP là 637 USD/tấn và giá CNG đầu vào bằng năm 2022. Theo đó, Công ty dự kiến tổng doanh thu đạt 6.568,23 tỷ đồng, giảm 6,72% so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận trước thuế dự kiến mang về 102,35 tỷ đồng, giảm 17,5% so

với kết quả năm trước. Công ty đánh giá, năm 2023, kinh tế thế giới được dự báo sẽ vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trên nền tảng những yếu tố bất định từ năm 2022. Hệ lụy là chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá cả hàng hoá leo thang, từ giá năng lượng, đến các loại hàng hoá khác,... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Xác định những thách thức và bất lợi trong môi trường kinh doanh, ban lãnh đạo GAS SOUTH chủ động đề ra những nhiệm vụ chính trong năm 2023. Trong đó, Công ty sẽ đảm bảo công tác an ninh, an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. PGS cũng tập trung vào công tác ổn định thị trường bán lẻ LPG, tăng mức độ nhận diện thương hiệu đối với người tiêu dùng. Đồng thời chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho sản phẩm LNG để kịp thời cung cấp ra thị trường, đảm bảo đạt hiệu quả cao ngay khi LNG được nhập khẩu về Việt Nam.

ANV: lên kế hoạch lợi nhuận giảm 35,4% về 500 tỷ đồng

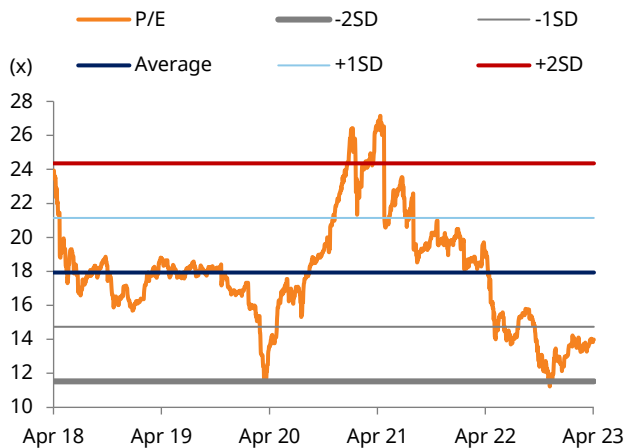
Trong năm 2023, Nam Việt đặt kế hoạch kinh doanh với tổng doanh thu 5.200 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế dự kiến 500 tỷ đồng. Được biết, năm 2022, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế là 774 tỷ đồng, hoàn thành 77,4% kế hoạch lợi nhuận 1.000 tỷ đồng. Như vậy, ước tính lợi nhuận năm 2023 dự kiến sẽ giảm 35,4% so với thực hiện trong năm 2022. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, ông Doãn Tới, Tổng Giám đốc Nam Việt từng nâng kế hoạch kinh doanh của Nam Việt từ 720 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng và cam kết duy trì được mức lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng trong nhiều năm liên tục sau đó. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, Công ty dự kiến trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Về định hướng kinh doanh trong năm 2023, Nam Việt dự kiến tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường; tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu; và duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

GIL: đặt kế hoạch lợi nhuận giảm 77,4% trong năm 2023

Gilimex vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến ngày 28/4 tại TP. HCM. Trong năm 2023, Gilimex đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 1.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 103,5 tỷ đồng. Được biết, năm 2022, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 458,9 tỷ đồng. Như vậy, ước tính kế hoạch năm 2023, lợi nhuận giảm 77,4% so với thực hiện trong năm 2022. Về định hướng kinh doanh, Công ty dự báo năm 2023 sẽ có nhiều khách hàng lớn tiềm năng trên thế giới thay thế, bổ sung đơn hàng cho các khách hàng hiện hữu và phát triển đầy công suất cho công ty. Mặt khác, Công ty đã chủ động có kế hoạch ứng phó với tình hình hiện tại đồng thời xây dựng kế hoạch đáp ứng nhanh nhất trong tình hình mới khi kinh tế thế giới bắt đầu hồi phục. Trong đó, trọng tâm mở rộng tìm kiếm khách hàng lớn; tìm kiếm các cơ hội M&A trong ngành để phát triển công suất, đầu tư chủ động nguồn nguyên phụ liệu trong thời gian nhanh nhất với giá trị đầu tư hợp lý; phát triển hạ tầng KCN Gilimex tại Huế, đẩy mạnh kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực ngành nghề đã được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường trong dự án; phát triển KCN Gilimex Vĩnh Long với quy mô 400 ha...

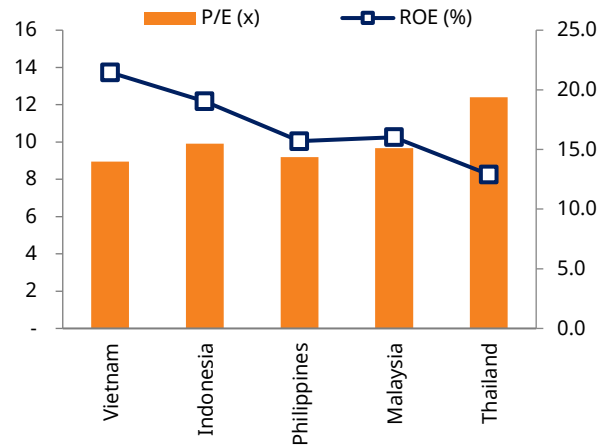
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



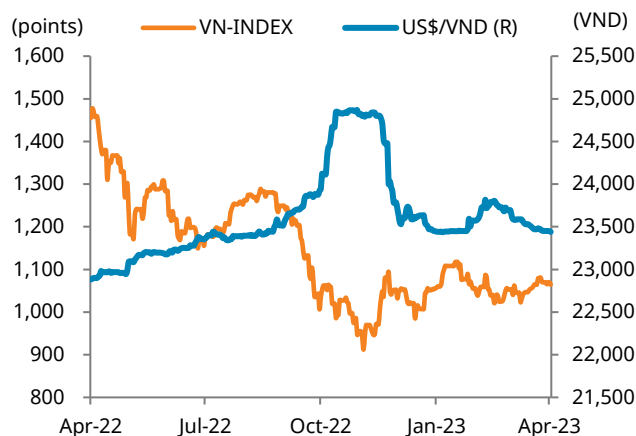
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



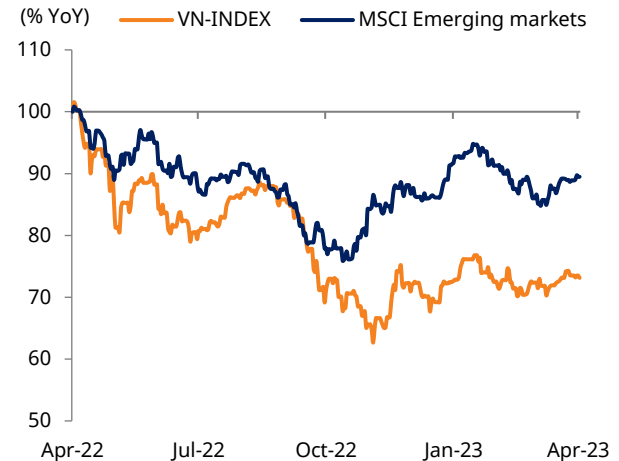
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



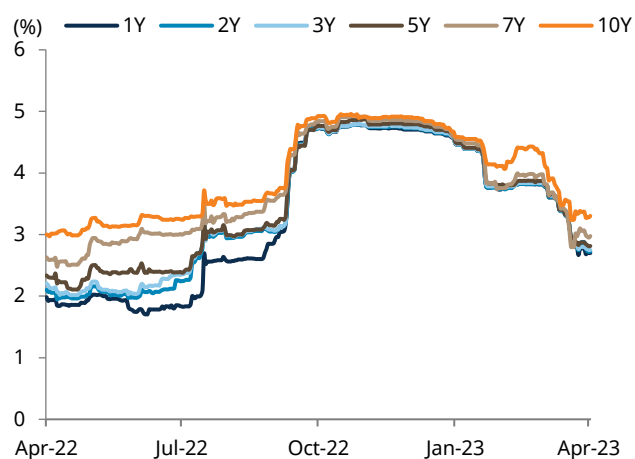
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



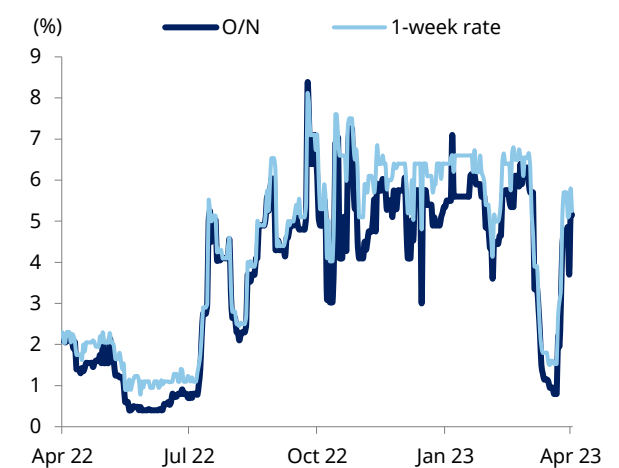
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,266,727	1,064.30	1,484.34	873.78	-0.5	-0.6	1.1	-28.0	14.0	1.7	13.7		
VN30 Index		3,098,588	1,074.67	1,534.28	863.31	-0.6	-0.4	2.3	-29.5	11.2	1.7	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	84,267	24,950	27,320	17,450	0.4	0.2	1.8	-7.3	6.2	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	227,381	44,950	48,000	28,000	1.2	-2.3	-2.8	9.9	12.5	2.3	19.9	17.3	12.8
VietinBank	CTG VN	141,289	29,400	31,900	19,500	-0.3	-0.5	0.3	-6.7	8.4	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	49,551	19,700	22,600	13,050	0.3	0.3	6.8	-12.1	6.4	1.3	23.5	19.3	0.8
MBBank	MBB VN	84,105	18,550	27,417	13,200	-0.8	0.3	6.0	-31.7	4.8	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	49,864	26,450	31,500	14,050	1.3	3.1	5.8	-15.6	9.9	1.3	13.8	26.5	3.5
Techcombank	TCB VN	106,221	30,200	48,450	19,300	-1.6	2.0	12.9	-37.1	5.3	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	36,697	23,200	40,200	18,300	0.4	0.4	-4.5	-42.0	5.9	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	417,408	88,200	96,300	62,000	-0.1	-3.3	-3.6	7.0	14.0	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	44,577	21,150	33,556	16,200	-0.7	0.7	2.2	-36.6	5.3	1.4	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	138,292	20,600	27,067	13,650	-0.2	-1.4	6.2	-20.8	7.6	1.4	20.7	17.6	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	32,606	21,750	40,368	13,050	-1.1	-0.5	10.7	-45.6	14.9	1.5	9.3	44.3	55.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	35,928	48,400	70,000	41,200	-0.2	-0.2	-2.2	-23.5	23.2	1.8	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	82,593	79,800	101,800	58,200	-0.3	-0.9	-4.7	5.3	58.8	4.9	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	28,277	14,500	87,800	10,050	-3.7	9.4	31.8	-83.2	12.4	0.8	6.2	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,403	14,000	67,131	9,940	-1.1	3.7	18.6	-79.0	8.2	1.2	15.0	2.9	46.1
Vinhomes JSC	VHM VN	219,896	50,500	73,500	39,400	-2.1	-1.4	12.8	-30.9	7.6	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	202,139	53,000	82,300	49,700	-0.2	-2.8	-0.6	-35.5	22.4	1.8	8.4	12.8	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	64,534	28,400	32,400	21,400	-1.0	-3.7	-2.4	-10.8	23.2	1.9	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	60,072	41,050	81,400	35,250	0.7	5.0	4.2	-47.4	14.5	2.5	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	112,759	79,200	129,500	69,100	-0.4	2.9	-6.3	-37.6	31.5	4.3	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	108,697	169,500	203,000	149,000	-0.9	-4.2	-9.4	3.7	21.3	4.7	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	153,612	73,500	85,600	64,500	-1.1	-1.1	-4.4	-4.8	20.2	5.1	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	47,266	37,200	55,700	22,950	0.5	-0.4	-2.2	-32.0	32.2	1.9	6.0	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	63,800	15,950	37,200	9,300	-2.4	2.2	6.7	-53.8	16.6	1.3	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	118,912	20,450	35,038	11,800	-1.4	-4.9	-3.1	-41.2	14.0	1.2	9.1	23.7	25.3
FPT Corp	FPT VN	87,323	79,600	99,083	61,300	-0.9	-0.9	0.9	-17.0	16.4	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	53,782	99,300	144,300	94,000	-0.4	-2.8	-1.4	-28.1	N/A	3.6	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	191,395	100,000	134,000	92,600	0.2	-1.5	-7.5	-9.2	13.0	3.2	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	31,498	13,450	16,400	8,910	-1.5	2.3	2.3	-14.3	15.3	1.0	7.0	7.8	41.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.